

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

### CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch  
& Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009,  
Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017)*

- Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943
- Số fax: (0299) 3821278
- Website: [www.soctrangwaco.vn](http://www.soctrangwaco.vn)
- Email: [info@soctrangwaco.vn](mailto:info@soctrangwaco.vn)

Số: 75./BC-CN

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 3 năm 2020

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

*(Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)*

### **I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
- Tên viết tắt: SOCTRANGWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017.
- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 158.631.330.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng*)
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp. Sóc Trăng, Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943 - Số fax: (0299) 3821278
- Website: [www.soctrangwaco.vn](http://www.soctrangwaco.vn) - Email: [info@soctrangwaco.vn](mailto:info@soctrangwaco.vn)
- Mã cổ phiếu: STW

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Nhà máy nước Sóc Trăng được thành lập vào năm 1964 (*tên gọi là Công quản Nhà máy nước Khánh Hưng*), công suất ban đầu là 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm từ nguồn nước mặt của kênh Ô Ven qua Chợ Vũng Thơm vào Hồ Nước Ngọt, được quản lý và điều hành bởi một Hội đồng Công quản.
- Đến năm 1968, hình thành thêm hai Nhà máy nước Mỹ Xuyên và Phú Tâm cung cấp vòi nước công cộng và chủ yếu vận hành bơm nước bằng máy nổ.
- Năm 1972, đổi tên là Trung tâm Cấp thủy trực thuộc Quốc gia sản cấp Thủy cục do Bộ Công Chánh chế độ Sài Gòn cũ quản lý.
- Đến năm 1992, Nghị quyết Quốc hội chia Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Từ Xí nghiệp Cấp nước, được UBND tỉnh Sóc Trăng quyết định nâng lên thành Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng. Bước đầu mới thành lập gồm có Nhà máy nước Thị xã công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và 03 Chi nhánh huyện trực thuộc Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và Vĩnh Châu với tổng số vốn ban đầu là một tỷ tám trăm triệu đồng, tổng số hộ được cấp nước là 4.350 hộ.

- Đầu năm 2010, Công ty Cấp nước Sóc Trăng được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng theo Quyết định số 560/QĐTC-CTUBND ngày 18/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng kể từ ngày 01/01/2010 do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

- Ngày 26/6/2017, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1504/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

- Công ty tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập lần thứ nhất vào ngày 28/12/2017 và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017, với mức vốn điều lệ là 158.631.330.000 đồng.

### 3. Ngành nghề kinh doanh của công ty

STT	NGÀNH NGHỀ	MÃ NGÀNH
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước ( <i>Sản xuất và phân phối nước sạch</i> );	3600 (chính)
2.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng ( <i>Sản xuất nước uống đóng chai</i> );	1104
3.	Sản xuất khai thác chưa phân vào đâu ( <i>chế tạo thiết bị ngành nước</i> );	3290
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ( <i>bán vật tư, thiết bị ngành nước</i> );	4663
5.	Xây dựng nhà các loại;	4100
6.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;	4210
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác ( <i>công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật</i> );	4290
8.	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	4322
10.	Đại lý môi giới đầu giá ( <i>Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa</i> );	4610
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu ( <i>bán hóa chất ngành nước trừ hóa chất nhà nước cấm</i> );	4669
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210



+ Các phòng, ban, xí nghiệp nghiệp vụ: 07 đơn vị;

+ Các xí nghiệp cấp nước trực thuộc: 12 đơn vị.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty, với các thông tin

- Tên công ty: **Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng**
- Địa chỉ: Đường D4, KCN An Nghiệp, P7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200680885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 28/10/2013
- Vốn điều lệ: 41.600.000 (*Bốn mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng*)
- Cổ phần sở hữu: 1.206.400 cổ phần, chiếm 29% vốn điều lệ

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh Sóc Trăng với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và doanh nghiệp trong toàn tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm so với năm trước.

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư xây dựng các nhà máy, cụm xử lý, nâng cấp các nhà máy nước để bổ sung nguồn nước cho khu vực tỉnh Sóc Trăng và các vùng lân cận.

- Đầu tư hệ thống điện mặt trời tại một số nhà máy nước nhằm giảm dần lượng tiêu thụ điện năng ngày càng lớn, giảm chi phí hoạt động của Công ty.

- Đầu tư dự án chống thất thoát, sửa chữa, vệ sinh mạng lưới cấp nước.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin.

### 5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước (*nước mặt và nước ngầm*), tiết kiệm năng lượng, sử dụng máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường...

- Đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

## 6. Các rủi ro

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Công tác sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong tỉnh đã buộc công ty phải chịu chi phí di dời các tuyến ống, ảnh hưởng đến việc cấp nước cho khách hàng và kiểm soát thất thoát nước.

- Nguồn nước ngầm đang dần cạn kiệt, nguồn nước mặt bị ô nhiễm, hiện tượng xâm nhập mặn tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng do biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp đã ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước của công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu: **152.618.716.674** đồng, tăng 12,47% so với năm 2018 và đạt 103,07% so với Kế hoạch.

Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước là 145.486.409.428 đồng, chiếm 95,32%

+ Doanh thu lắp đặt là 3.593.524.501 đồng, chiếm 2,35%

+ Doanh thu nước đóng chai là 3.247.008.635 đồng, chiếm 2,13 %

+ Doanh thu khác là 291.774.110 đồng, chiếm 0,2 %

- Lợi nhuận sau thuế: - 6.560.962.652

- Nước thương phẩm: 19.292.920 m<sup>3</sup>, đạt 99,45 % so với kế hoạch

- Số lượng khách hàng: 87.157 hộ, (trong đó: *lắp đặt mới: 4.229 hộ*).

- Tỷ lệ thất thoát: 14,89 %

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết
1	Đặng Văn Ngộ	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	7.900
2	Trần Anh Hòa	Thành viên HĐQT, Phó TGD	1972	Ks Cấp thoát nước, Cử nhân Luật	3.893.767
3	Nguyễn Quang Mãi	Thành viên HĐQT, Phó TGD	1977	Thạc sỹ kỹ thuật	3.172.626
4	Ong Hải Phước	Phó TGD	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	8.500
5	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng	1981	Đại học Kế toán, Cử nhân Luật	200

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

2.3. Số lượng cán bộ CNV-LĐ tính đến hết ngày 31/12/2019

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
<b>I. Phân theo trình độ lao động</b>	295	
- Trên đại học	03	1,02 %
- Đại học, cao đẳng	118	40,00 %
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	60	20,34 %
- Lao động qua đào tạo khác	114	38,64 %
<b>II. Phân theo hợp đồng lao động</b>	295	
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	294	99,66 %
- Hợp đồng lao động ngắn hạn từ 01-03 năm	0	0,00 %
- Hợp đồng lao động dưới 01 năm	01	0,34 %

2.4. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động đúng theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ;

- Công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Mạng lưới

TT	TÊN DỰ ÁN
1	Cải tạo, di dời tuyến ống cấp nước đường Trần Quang Khải - Tp. Sóc Trăng
2	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu, từ Km78+953 đến Km79+618 - Trần Đề
3	Mở rộng tuyến ống cấp nước áp Ngan Rô 1 - Trần Đề
4	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu, từ Km71+820 đến Km72+995 - Trần Đề
5	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu, từ Km74+910 đến Km73+029 - Trần Đề
6	Mở rộng tuyến ống cấp nước Quốc lộ 1A, từ Km2165+262,2 đến Km2168+913,2 và Tỉnh lộ 937B từ Km0+000 đến Km0+080 - Thạnh Trị

7	Mở rộng tuyến ống Quốc lộ 61B bên trái, đoạn từ Km17+877 đến Km19+077 – Ngã Năm
8	Mở rộng tuyến ống Nam Sông đoạn từ Km116+175 đến Km117+905 – Vĩnh Châu
9	Mở rộng tuyến ống cấp nước hẻm cấp nhà ống Thạch Hai - Trần Đề
10	Mở rộng tuyến ống cấp nước hẻm ống Hai Ru - Trần Đề
11	Mở rộng tuyến ống cấp nước ấp Chùa Ông xã Hậu Thạnh - Đại Ngãi
12	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường ô tô trung tâm xã Hưng Phú (đoạn cầu Kênh 9 Thước) - đường đầu nối Đường tỉnh 939 - Mỹ Tú
13	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Lê Văn Tám, đoạn từ cầu Chùa Ông Bồn đến Ngã ba Chùa Giác Hương - Ngã Năm
14	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Huyện lộ, ấp Phong Thạnh - Phong Năm
15	Mở rộng tuyến ống cấp nước Khu thương mại Kinh tế biển Trần Đề (đặt ống chờ qua lộ) - Trần Đề
16	Mở rộng tuyến ống cấp nước Khu dân cư ấp 2 - thị trấn Long Phú
17	Mở rộng tuyến ống cấp nước hẻm cạnh nhà 53A Huỳnh Văn Chính, ấp Thạnh Lợi - Mỹ Xuyên
18	Mở rộng tuyến ống cấp nước hẻm nhà 169 Lương Định Của - TPST
19	Mở rộng tuyến ống cấp nước Khu dân cư thu nhập thấp hẻm 777 Trần Hưng Đạo - TPST
20	Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu (đặt ống chờ qua lộ) - Trần Đề
21	Mở rộng tuyến ống cấp nước ấp Phồ, xã Hậu Thạnh (Đại Ngãi)
22	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Phú Hữu, xã Phú Hữu (Đại Ngãi)
23	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Xẻo Chích (Lê Văn Tám nối dài) - Ngã Năm
24	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Xẻo Cạy - Ngã Năm
25	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Đường Trâu - Ngã Năm
26	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường lộ đản Cà Lãng A Biển nối dài - Vĩnh Châu



27	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Chòm Tre, ấp Mỹ Lợi B - Mỹ Tú
28	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 1098 Quốc lộ 1A - TPST
29	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm đường Cao Thắng - TPST
30	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm đối diện đường vào Trường DTNT huyện Châu Thành, ấp An Trạch, xã An Hiệp (TPST)
31	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Cao Thắng (360m) - TPST
32	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 369 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - TPST
33	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 10 Coluso - TPST
34	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 429 ấp An Trạch, xã An Hiệp (TPST)
35	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 567 Trần Hưng Đạo - TPST
36	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Cao Thắng (1.200m) - TPST
37	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Cầu Xéo - TPST
38	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp An Ninh II - Kế Sách
39	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Dìn Ký, đường Nguyễn Huy Hoàng - Kế Sách
40	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước Khu 1, ấp Tân Lập, xã Long Phú
41	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Chùa Cà Săng, đường Nam Sông Hậu - Vĩnh Châu
42	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước Tổ 21, ấp Mây Hắc, xã Hậu Thạnh (Đại Ngãi)
43	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Trung Thành - Thạnh Trị
44	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Huyện lộ, ấp Phong Thạnh - Phong Năm
45	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Phú Tây, xã An Mỹ (đoạn cầu Trường Đàng) - Kế Sách
46	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Khu Tà Ma, ấp Sóc Mới, xã Long Phú

47	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước tuyến lộ Hàng Đáy, ấp Phong Hòa - Phong Năm
48	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước tuyến lộ đan ven sông Hậu, ấp Phong Phú - Phong Năm
49	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 935B, ấp Hòa Hưng, xã Long Đức
50	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 930 Quốc lộ 1A - TPST

*b. Xây dựng*

TT	Tên dự án
1	Lắp đặt hệ thống điện mặt trời - XN Thạnh Trị
2	Lắp đặt hệ thống điện mặt trời - Trạm Hải Ngự

*c. Công nghệ, nhà máy*

TT	Tên dự án
1	Cải tạo, sửa chữa hệ thống xử lý nước Nhà máy nước Khu công nghiệp An Nghiệp; hạng mục Đường ống công nghệ và Nền cụm xử lý
2	Cải tạo, sửa chữa hệ thống xử lý nước tuần hoàn sau lọc Nhà máy nước Nguyễn Chí Thanh; hạng mục Đường ống công nghệ và Gia công bồn lọc

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không

**4. Tình hình tài chính**

*4.1. Tình hình tài chính*

CHỈ TIÊU	Từ 29/12/2017-31/12/2018	Từ 01/01/2019-31/12/2019	% Tăng, giảm
- Tổng giá trị tài sản	279.307.805.303	241.754.071.920	-13,5%
- Doanh thu thuần	135.054.802.458	152.618.716.674	13,0%
- Lợi nhuận kinh doanh	-21.437.815.020	-6.568.495.102	69,4%
- Lợi nhuận khác	113.424.791	7.532.450	-93,4%
- Lợi nhuận trước thuế	-21.324.390.229	-6.560.962.652	69,2%
- Lợi nhuận sau thuế	-21.324.390.229	-6.560.962.652	69,2%

*4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 29/12/2017 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,23	0,29
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,17	0,21
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	50,8%	45,9%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	103%	85%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,68	15,29
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,48	0,63
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-15,8%	-4,3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-15,5%	-5,0%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-7,6%	-2,7%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ....	%	-15,9%	-4,3%

## 5. Cơ cấu cổ phần, cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cơ cấu cổ phần

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ / điều lệ (%)
<b>1. Tự do chuyển nhượng</b>	<b>9.377.148</b>	<b>93.771.480.000</b>	<b>59,11%</b>
<b>2. Hạn chế chuyển nhượng, trong đó</b>	<b>6.485.985</b>	<b>64.859.850.000</b>	<b>40,89%</b>
- Cổ phần do tổ chức Công đoàn cơ sở sở hữu (không được phép chuyển nhượng)	7.932	79.320.000	0,05%
- Cổ phần do nhà đầu tư chiến lược cam kết không chuyển nhượng (5 năm)	6.345.253	63.452.530.000	40,00%
- Cổ phần do người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài (từ 3 - 10 năm)	132.800	1.328.000.000	0,84%
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.863.133</b>	<b>158.631.330.000</b>	<b>100%</b>

- Ngày 20/6/2018, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với các thông tin như sau:

- + Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng
  - + Mã chứng khoán: STW
  - + Mã ISIN: VN000000STW0
  - + Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)
  - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
  - + Số lượng cổ phiếu đăng ký: 15.863.133 cổ phiếu
  - + Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 158.631.330.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng)
  - + Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Ngày 06/7/2018, Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu STW đầu tiên trên thị trường giao dịch UpCOM, tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2019, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ so vốn điều lệ (%)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>15.863.133</b>	<b>158.631.330.000</b>	<b>100%</b>
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	7.772.935	77.729.350.000	49%
2	Cổ phần tổ chức nắm giữ	6.345.253	63.452.530.000	40,05%
3	Cổ phần của cá nhân nắm giữ	1.737.013	17.370.130.000	10,95%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>15.863.133</b>	<b>158.631.330.000</b>	<b>100%</b>

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ SH (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng		7.772.935	77.729.350.000	49,00%
2	Công ty Cổ phần HAWACO	0101189376 do Sở KH-ĐT TP. Hà Nội cấp ngày 19/10/2007	6.345.253	63.452.530.000	40,00%

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ SH (%)
3	Đỗ Chí Công	240682143; cấp ngày 26/12/2008; nơi cấp: Đăklăk	1.216.613	12.166.130.000	7,67%

**- Danh sách cổ đông chiến lược**

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ SH (%)
1	Công ty Cổ phần HAWACO	0101189376	6.345.253	63.452.530.000	40,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước như: Clo (*Clo hơi, Clo bột 90%, Clo hạt 90%, Clo hạt 60%, Clo viên*), PAC, Chất chống cáu cặn, cát lọc, hạt xốp,... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

b. Tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không

**6.2. Tiêu thụ năng lượng**

a. Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 8.306.077 kW

b. Điện năng tiết kiệm được thông qua việc công ty đầu tư lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời công suất 20 kW tại Xí nghiệp Cấp nước Mỹ Xuyên, công suất 38,3 kW tại Trạm cấp nước Hải Ngư và công suất 38,3 kW tại Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị. Trong năm sử dụng khoảng 89.022 kw từ hệ thống điện mặt trời thay thế cho nguồn điện lưới từ Công ty Điện Lực.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

**6.3. Tiêu thụ nước**

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước sử dụng

Công ty hiện đang quản lý và khai thác hệ thống cấp nước đô thị gồm 22 Nhà máy, Trạm khai thác xử lý nước với tổng công suất được cấp phép khai thác là 83.250 m<sup>3</sup>/ngày đêm, gồm có 06 nhà máy tại thành phố Sóc Trăng, 03 nhà máy tại thị xã, 13 nhà máy tại các xã, thị trấn.

Với nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp nước sạch cho sản xuất công nghiệp và dân cư trên địa bàn, Công ty đặt việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước song song với việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước là mục tiêu hàng đầu. Công suất cấp nước vào mạng lưới hiện tại vào khoảng 62.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nguồn nước khai thác chủ yếu là nước ngầm (88%) và nước mặt (12%), tổng số giếng khoan đang quản lý và khai thác là 53 giếng (15 giếng tầng sâu và 38 giếng tầng nông) cung cấp nước sạch cho hơn 87.157 hộ khách hàng

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Hiện tại công ty đang quản lý 22 nhà máy, trạm khai thác xử lý nước. Trong đó, có 11 nhà máy (Nhà máy Khu công nghiệp, Nguyễn Chí Thanh, Phú Lợi, Mỹ Xuyên 1, Mỹ Xuyên 2, Vĩnh Châu, Hải Ngư, Mỹ Tú, Kế Sách, Thạnh Trị, Long Phú) vận hành quy trình xử lý nước tuần hoàn sau lọc, không xả thải ra môi trường. Tổng lượng nước được tái sử dụng khoảng 1.550 m<sup>3</sup>/ngày, chiếm tỷ lệ 73% tổng lượng nước xử lý của toàn công ty.

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a. Số lượng lao động: 295 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 8.557.000 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ; công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

c. Hoạt động đào tạo

Trong năm, công ty đã cử nhiều đợt cán bộ, người lao động tham gia các buổi Hội thảo, tập huấn chuyên đề, các văn bản pháp luật, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động... do Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Chi hội Cấp nước miền Nam và các cơ quan chức năng tổ chức, qua đó giúp cho người lao động nâng cao kỹ năng, tay nghề và ứng dụng tốt trong công việc.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cung cấp nước sạch sử dụng.

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Với sự quyết tâm, đoàn kết của tập thể người lao động và sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, doanh thu trong năm 2019 vượt so với kế hoạch đề ra, các chi phí

được cân đối, tiết kiệm, đầu tư hiệu quả và đặt biệt phương án điều chỉnh giá nước sạch cũng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 nên tình hình tài chính công ty cũng dần ổn định, công tác đầu tư mở rộng, cải tạo mạng lưới cũng được cân đối triển khai; các chế độ, chính sách, tiền lương của người lao động cũng được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định.

Công tác quản trị đối với mô hình công ty cổ phần luôn được đổi mới nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của người lao động trong thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng ngập mặn ngày càng trở nên trầm trọng tại tỉnh Sóc Trăng gây tác động đến nguồn nước cung cấp của công ty, một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Từ 29/12/2017-31/12/2018	Từ 01/01/2019-31/12/2019	Tỷ trọng 29/12/2017-31/12/2018	Tỷ trọng 01/01/2019-31/12/2019
- Tài sản ngắn hạn	22.501.123.220	26.094.870.393	8,06%	10,79%
- Tài sản dài hạn	256.806.682.083	215.659.201.527	91,94%	89,21%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>279.307.805.303</b>	<b>241.754.071.920</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Với đặc thù ngành nghề xử lý và cung cấp nước sạch, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm rất thấp (10,79%) trong khi tài sản cố định luôn chiếm tỷ trọng rất cao (89,21%) trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp do giá trị tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là rất lớn. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng đáng kể là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Tại thời điểm 31/12/2019, các khoản phải thu ngắn hạn là 12,2 tỷ đồng chủ yếu là nợ phải thu tiền nước sinh hoạt của hộ dân cư, hàng tồn kho là 7,7 tỷ đồng chủ yếu là vật tư chuyên ngành cấp thoát nước.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Từ 29/12/2017-31/12/2018	Từ 01/01/2019-31/12/2019	Tỷ trọng 29/12/2017-31/12/2018	Tỷ trọng 01/01/2019-31/12/2019
- Nợ ngắn hạn	95.840.957.581	89.313.831.759	67%	80%
- Nợ dài hạn	46.159.907.951	21.694.263.042	33%	20%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>142.000.865.532</b>	<b>111.008.094.801</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Năm 2019 Công ty không phát sinh thêm vay dài hạn chỉ chủ yếu là trả nợ vay ngắn hạn và dài hạn của ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2019, nợ ngắn hạn và dài hạn của công ty lần lượt chiếm tỷ trọng 80% và 20% trên tổng nợ phải trả.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Từng bước xây dựng quy chế khoán đối với các đơn vị nhằm tăng sự tự chủ, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị; tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Thực hiện Dự án phát triển hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh Sóc Trăng.
- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng lưới phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới.
- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.
- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ không bảo đảm chất lượng, gây thất thoát nước lớn.

### **5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.**

### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

#### *6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường*

Công ty luôn chú trọng công tác quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước khai thác.

#### *6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Tập thể, người lao động luôn có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng công ty phát triển.

#### *6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*

Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Thông nhất theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban Tổng Giám đốc gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị mới được triển khai thực hiện.



Điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; duy trì hoạt động công ty ổn định, bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra, đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

Quyền lợi của người lao động luôn được đảm bảo, các chế độ chính sách cho người lao động thực hiện đầy đủ đúng theo quy định, người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động, phát triển và mở rộng đa dạng ngành nghề kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, tỷ lệ thất thoát cao...

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	0	0	3.172.627	20%
2	Đặng Văn Ngộ	Thành viên	7.900	0,05%	0	0
3	Nguyễn Quang Mãi	"	0	0	3.172.626	20%
4	Trần Anh Hòa	"	7.300	0,046%	3.886.467	24,5%
5	Võ Thanh Văn	"	0	0	3.886.468	24,5%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Kể từ khi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm năm 2019 về việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị do thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp và thống nhất ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/7/2019 về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty, đồng thời nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị.

Bên cạnh đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng thường xuyên tham gia các cuộc họp Ban điều hành, các cuộc họp giao ban để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp để Ban Tổng Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh đạt được kết quả tốt nhất.

1.4. *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:* Hoạt động theo điều lệ công ty.

1.5. *Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:* Ban thư ký HĐQT thực hiện theo nhiệm vụ được giao, là cầu nối giữa các thành viên HĐQT và Ban điều hành công ty.

1.6. *Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Tiến sĩ Kinh tế
2	Đặng Văn Ngộ	Thành viên	Kỹ sư Cấp thoát nước
3	Nguyễn Quang Mãi	"	Thạc sĩ Kỹ thuật
4	Trần Anh Hòa	"	KS Cấp thoát nước, Cử nhân Luật
5	Võ Thanh Văn	"	Đại học Quản lý Tài chính

## 2. Ban Kiểm soát

2.1 *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng ban	0	0	0	0
2	Nguyễn Văn Gỡ	Phó ban	800	0,005%	0	0
3	Đỗ Chí Công	Thành viên	1.216.613	7,67%	0	0

2.2 *Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)*

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Trao đổi thông tin nội bộ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

- Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ;

- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

#### *3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	582.027.240	
2	Đặng Văn Ngọ	TV.HĐQT	195.041.043	
3	Nguyễn Quang Mãi	TV.HĐQT	195.041.043	
4	Trần Anh Hòa	TV.HĐQT	195.041.043	
5	Hoàng Văn Công	TV.HĐQT	65.013.681	
6	Võ Thanh Văn	TV.HĐQT	130.027.363	
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS	265.534.388	
2	Nguyễn Văn Gỡ	P.Trưởng BKS	252.257.669	
3	Đỗ Chí Công	TV.BKS	238.980.950	
<b>III</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
1	Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc		472.500.000
2	Trần Anh Hòa	Phó TGD		396.900.000
3	Nguyễn Quang Mãi	Phó TGD		396.900.000
4	Ong Hải Phước	Phó TGD		396.900.000
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>			
1	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng		359.100.000

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: Không có

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	Nhập mua hàng hoá	5.581.400.200
	Trả tiền mua hàng	7.716.151.520
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	Nhập mua nước mặt	14.668.636.358
	Trả tiền mua hàng	10.074.577.076

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty*: Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của kiểm toán viên

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng vào ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán, phê duyệt ngày 05/3/2020 được đăng tải trên trang web công ty và thực hiện công bố thông tin ngày 15/3/2020.

Trân trọng./.

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Nguyễn Trọng hiếu**